

Thọ mai gia lễ là gia lễ nước ta hay Trung Quốc

"Thọ mai gia lễ" là gia lễ nước ta, có dựa theo Chu Công gia lễ tức gia lễ thời xưa của Trung Quốc nhưng không rập khuôn theo Tàu. Mặc dầu gia lễ từ triều Lê đến nay có nhiều chỗ đã lỗi thời nhưng khi đã trở thành luật tục, ăn sâu, bén rễ trong nhân dân, nên đến nay trong Nam ngoài Bắc vẫn còn phổ biến áp dụng, nhất là tang lễ.

Tác giả của "Thọ mai gia lễ"

là Hồ Sỹ Tân (1690-1760) hiệu Thọ Mai người làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đậu Tiến sĩ năm 1721 (năm thứ 2 triều Bảo Thái), làm quan đến Hàn lâm Thị chế.

Trong "Thọ mai gia lễ" có trích dẫn một phần của Hồ Thượng thư gia lễ. Hồ Thượng thư tức Hồ Sỹ Dương (1621-1681) cũng người làng Hoàn Hậu, đậu tiến sĩ năm 1652 tức năm thứ 4 triều Khánh Đức, Thượng thư bộ Hình, tước Duệ Quận công.

ba cha tám mẹ là những ai ?

Theo "Thọ mai gia lễ":

Ba cha là:

1. Thân phụ: Cha sinh ra mình.
2. Kế phụ: Sau khi cha chết, mẹ lấy chồng khác, chồng mới của mẹ là kế phụ hay, bố dượng.
3. Dưỡng phụ: Bố nuôi.

Tám mẹ là:

1. Đích mẫu: Vợ cả của bố.
2. Kế mẫu: Khi còn nhỏ mẹ đã mất, cha lấy vợ khác để nuôi nấng mình.
3. Từ mẫu: Mẹ chết từ tấm bé, cha sai người vợ lẽ nuôi mình bú mớm.
4. Dưỡng mẫu: Mẹ nuôi, cha mẹ nghèo cho mình để người khác nuôi.
5. Xuất mẫu: Là mẹ sinh ra mình nhưng bị cha ruồng rẫy.
6. Giá mẫu: là mẹ sinh ra mình, nhưng khi cha mất thì đi lấy chồng khác.
7. Thứ mẫu: Là mẹ sinh ra mình nhưng là vợ lẽ của cha.
8. Nhũ mẫu: Mẹ vú, cho mình bú mớm từ khi còn tấm bé.

Trên đây là định nghĩa theo "Thọ mai gia lễ", chưa nói đến những người đã lấy vợ lấy chồng thì cha mẹ vợ, cha mẹ chồng cũng như cha mẹ mình. Vậy thì, còn ba loại nhạc phụ và tám loại nhạc mẫu. Tất cả phải 6 cha, 16 mẹ.

chức thư là gì ?

"Chức" là lời dặn dò, phó thác. "Chức thư" hay "Di chúc" là lời dặn dò của người chủ gia đình, người lãnh đạo đất nước trước khi mất. Chức thư, di chúc viết thành văn bản có giá trị hành chính, pháp lý. Nếu không biết chữ, hoặc yếu quá không viết được nữa thì nhờ người khác viết, đọc lại cho nghe rồi ký tên hoặc điểm chỉ vào dưới. Di chúc của nhà vua thì gọi là di chiếu.

Nội dung chính của chức thư thường là việc chia gia tài. Nhà có bao nhiêu ruộng đất, nhà cửa, chia cho con trai con gái, ai được hưởng khoảnh nào, mấy mẫu, mấy sào ở đâu, còn lại bao nhiêu dành cho mẹ làm của dưỡng lão, giao người nào chăm nom. Nếu còn bao nhiêu nợ làng, nợ họ cũng giao phó cho con nào phải đòi, phải trả. Quy định giành bao nhiêu làm ruộng hương hỏa, giao cho con trưởng hoặc cháu đích tôn. Di chiếu của nhà vua giao cho ai là đại thần có mệnh phò thái tử lên ngôi. Nếu ngôi thái tử chưa định thì chuyển chỉ cho hoàng tử nào nối ngôi...

Thời nay, nam nữ bình quyền, nếu cha mất trước đã có mẹ nắm toàn bộ quyền hành. Thời trước, người mẹ, người vợ sau 3 năm tang chồng nếu muốn tái giá thì đi tay không, nếu ở lại nuôi con cũng không được nắm toàn quyền, còn phải lệ thuộc các ông chú, ông bác trong họ. Nếu còn có nợ thì phải trả hết.

Thế nên, có những gia đình giàu có nhưng vô phúc, bạc đức: Cha mẹ nằm xuống anh em đùn đẩy nhau, chưa lo việc chôn cất, chỉ chăm chú tranh giành tài sản, để thiên hạ xỉ vả. Vì vậy, khi còn khỏe, các cụ đã

phải lo xa: Chia gia tài trước, định trách nhiệm sẵn, mua sắm bộ hậu sự (áo quan) có người còn dặn trước cả việc chôn cất, tang chế, cỗ bàn, đình đám..

Trích di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"...Suốt đời tôi hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ Cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thời giờ và tiền bạc của nhân dân..."

Ngày 10-5-1969

Di chúc của Tam nguyên Yên Đổ:

"Kém hai tuổi xuân đây chín chục
Số thầy sinh phải lúc dương cùng
Đức thầy đã mỏng mỏng mong
Tuổi thầy lại sống hơn ông cụ thầy
Học chẳng có rằng hay chi cả
Cười đầu người kẻ đã ba phen
Tuổi là tuổi của gia tiên
Cho nên thầy được hưởng niên lâu ngày.
Ấy thừa trước ông may chẳng đổ
Hoá bây giờ cho bố làm nên
ón vua chữa chút báo đền
Cúi trông hồ đất, ngừng lên then trời
Sống không để tiếng đời ca thán
Chết được về quê quán hương thôn
Mới hay trăm sự vương tròn
Sống lâu đã trải chết chôn chờ gì ?
Đồ khâm niệm chớ nề xấu tốt
Kín chân tay đầu gót thời thôi
Cổ đừng to lắm con ơi
Hễ ai chạy lại con mời người ăn
Tế đừng có viết văn mà đọc
Trướng đối đừng găm vóc làm chi
Mình tỉnh con cũng bỏ đi
Mời quan đề chủ con thì không nên
Môn sinh chớ bỏ tiền đặt giấy
Bạn của thầy cũng vậy mà thôi
Khách quen chớ viết thiệp mời
Ai đưa lễ phúng con thời chớ thu
Chẳng qua nợ để cho người sống
Chết đi rồi còn ngóng vào đâu
Lại mang cái tiếng to đầu
Khi nay bày biện, khi sau chề bàn
Cờ biễn của vua ban ngày trước
Khi đưa thầy con rước đầu tiên
Lại thuê một lũ phường kèn
Vừa đi vừa thổi mỗi bên dăm thằng
Việc tống táng nhưng nhặng qua quýt
Cúng cho thầy một chút rượu hoa
Đề vào mấy chữ trong bia,
Rằng: "Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu"

cư tang là gì ?

Thời xưa, dầu làm quan đến chức gì, theo phép nước, hễ cha mẹ mất đều phải về cư tang 3 năm trừ trường hợp đang bận việc quân nơi biên ải hay đi sứ nước ngoài. Lệ này không quy định đối với binh lính và nha lại. Nếu ai vì tham quyền cố vị, giấu diếm không tâu báo để về cư tang, bị đàn hặc vì tội bất hiếu, sẽ bị triều đình xử phạt biếm truất. trong thời gian cư tang, lệnh vua không đến cửa.

Ba năm cư tang là ba năm chịu đựng gian khổ, nhẩn nhục, không dự mọi cuộc vui, không dự lễ cưới, lễ mừng, không uống rượu (ngoài chén rượu cúng cha mẹ), không nghe nhạc vui, không ngủ với vợ hoặc nàng hầu, trừ trường hợp chưa có con trai để nối dõi tông đường, ngoài ra ai sinh con trong thời kỳ này cũng bị coi là bất hiếu. Không được mặc gấm vóc, nhung lụa, không đội mũ đi hia, thường đi chân không, cùng lắm chỉ đi guốc mộc hoặc giày cỏ.

Dầu làm đến tể tướng trong triều, khi khách đến viếng cha mẹ mình, bất kể sang hay hèn cũng phải cung kính chào mời và lạy tạ (hai lạy hay ba vái dài). Khi ra đường, không sinh sự với bất cứ người nào. ở trong nhà, đối với kẻ ăn người ở cũng không được to tiếng.

Ba năm sầu muộn, tự nghiêm khắc với chính mình, rộng lượng với kẻ dưới, cung kính với khách bạn, đề tỏ lòng thành kính với cha mẹ.

Thời nay không còn lệ cư tang, nhất là các cán bộ chủ chốt càng không có điều kiện nghỉ việc thời gian dài, nhưng biết qua lệ cư tang của ông cha ta ngày xưa, hậu sinh có thể học được điều gì trong thái độ ứng xử?

vì sao có tục mũ gai đai chuối và chống gậy ?

Tục đội mũ rơm quần thật to quanh đầu, thắt lưng bằng dây gai, dây chuối ngày nay đã lỗi thời, nhiều nơi đã bãi bỏ, còn tục chống gậy chỉ áp dụng đối với con trai tang cha (gậy tre) tang mẹ (gậy vông), vẫn còn ở nhiều địa phương.

Nguyên do: Đời xưa, đường đi lại còn hẹp, có khi còn phải leo núi cao, người mất được chôn cất ở nơi xa khu dân cư, trong rừng núi, có nơi chôn ở triền núi đá có nhiều hang động. Đã có trường hợp, người con vì quá thương xót cha mẹ, khóc lóc thảm thiết, đến nỗi không kè gì đến sinh mạng của mình, đập đầu vào vách đá, khi leo núi đi về vì thương cảm quá mất cả thăng bằng ngã lăn xuống vực. Để tránh tình trạng trùng tang thảm hại đó, người ta mới đặt ra lệ phải quần quanh đầu những vật liệu mềm, xốp để nếu va vấp đỡ gây tổn thương và đặt ra lệ phải chống gậy để đi đứng an toàn hơn. Vật liệu dễ kiếm nhất, giàu nghèo ai cũng có thể tự liệu được và ở đâu cũng có thể kiếm được để làm chất đệm, đó là rơm, lá chuối, dây gai, dây đay. Xuất phát từ kinh nghiệm thực tế của một số người, dần dần trở thành phong tục phổ biến.

Vì ngày thường đi lao động ở đồng ruộng, núi rừng hoặc đi đứng đều mặc quần áo gọn bó vào người, đến khi có tang tế phải mặc áo dài rộng, dễ vướng gai góc nên phải có dây đai, tục đó cũng xuất xứ từ việc tránh nạn trùng tang.

năm hạn tang phục (Ngũ phục) là gì ?

Theo "Thọ mai gia lễ", có năm hạn tang phục tùy theo quan hệ huyết thống và nghĩa tình phân biệt thân sơ:

1. Đại tang: Trảm thôi và tề thôi.

- Quần áo sổ gấu gọi là trảm thôi: Con để tang cha.
- Quần áo không sổ gấu gọi là tề thôi: Con để tang mẹ, vợ để tang chồng khi cha chưa mất.
- Thời hạn: 3 năm, đời sau giảm bớt còn 2 năm 3 tháng (sau lễ giỗ đại tường 2 năm, thêm 3 tháng dư ai).
- áo xô, khăn xô có hai dải sau lưng (gọi là khăn ngang).

Nếu cha mẹ đều đã mất thì hai giải bằng nhau, nếu còn mẹ hoặc còn cha thì hai giải dài ngắn lệch nhau.

- Con trai chống gậy: Tang cha gậy tre, tang mẹ gậy vông, mũ rơm quần đùi, dây chuối, dây đai thắt lưng.

Thời nay, nhiều nơi đã bãi bỏ những tang phục này. ở thành phố nhiều nhà dùng băng đen theo tang chế châu Âu, theo ý chúng tôi, tiện hơn.

- Con trai, con gái, con dâu đều để tang cha mẹ. (Kể cả đích mẫu, kế mẫu, dưỡng mẫu, từ mẫu và dưỡng phụ).

- Vợ để tang chồng.

- Nếu con trưởng mất trước thì cháu đích tôn để tang ông bà nội cũng đại tang thay cha.

2. Cơ niên: Để tang một năm. Từ niên cơ trở xuống dùng khăn tròn, vải trắng, không gậy.

- Cháu nội để tang ông bà nội.

- Con riêng của vợ để tang bố dưỡng nếu bố dưỡng có công nuôi và ở cùng, nếu không ở cùng thì không tang; trước có ở cùng sau thôi thì để tang 3 tháng.

- Con để tang mẹ đẻ ra mình nhưng bị bỏ rẫy (xuất mẫu), hoặc cha chết, mẹ lấy chồng khác (giá mẫu).

- Chồng để tang vợ cả có gậy, nếu cha mẹ còn sống thì không gậy.

- Cháu để tang bác trai bác gái, chú, thím và cô ruột.

- Anh chị em ruột để tang cho nhau (cùng cha khác mẹ cũng tang một năm, cùng mẹ khác cha thì tang 5 tháng).

- Cha mẹ để tang con trai, con gái và con dâu cả, kể cả con đi làm con nuôi nhà người.

- Chú, bác, thím cô ruột để tang cho cháu (con anh em ruột).

- Ông bà nội để tang cho cháu trưởng (đích tôn).

- Đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu tang các con chồng, thứ mẫu tang con mình và con chồng như nhau đều một năm. Tang con dâu cả cũng một năm.

- Con dâu để tang dì ghẻ của chồng (tức vợ lẽ cha chồng).

- Rể để tang cha mẹ vợ (vợ chết đã lấy vợ khác cũng vậy).

- Nàng hầu để tang cha mẹ chồng, vợ cả của chồng, các con chồng cũng như con mình (các họ hàng bằng thân bên nhà chồng đều không tang).

3. Đại công: để tang 9 tháng.

- Anh chị em con chú con bác ruột để tang cho nhau.

- Cha mẹ để tang con dâu thứ hoặc con gái đã lấy chồng.

- Chú, bác thím ruột để tang cháu (con gái đã xuất giá, con dâu của anh em ruột).

- Cháu dâu để tang ông bà của chồng, chú, bác, thím ruột, hoặc cô ruột của chồng.

- Mẹ để tang con dâu thứ và con gái riêng của chồng.

- Con gái đã xuất giá để tang bác trai, bác gái, chú thím, cô ruột.

4. Tiểu công: Để tang 5 tháng.

- Chắt để tang cụ. (Hoàng tang: Chít khăn vàng)

- Cháu để tang anh chị em ruột của ông nội (ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô).

- Con để tang vợ lẽ, nàng hầu của cha (nếu cha giao cho nuôi mình thì để tang 3 năm như mẹ đẻ).

- Cháu để tang đường bá thúc phụ mẫu và đường cô (anh chị em con chú bác ruột của cha).

- Anh chị em con chú, bác ruột để tang cho vợ của nhau.

- Anh chị em chung mẹ khác cha để tang cho nhau (vợ con của anh chị em ấy thì không tang).

- Chú bác ruột để tang cho cháu dâu (con dâu của anh em ruột).

- Ông bà bác, ông chú, bà thím, bà cô để tang cho cháu (tức là cháu nội của anh em ruột).

- Ông bà nội để tang cho vợ cháu đích tôn hoặc cháu gái xuất giá.

- Cháu ngoại để tang ông bà ngoại và cậu ruột, dì ruột (anh chị em ruột của mẹ, kể cả đối với anh chị em ruột của đích mẫu, thứ mẫu, kế mẫu).

- Cháu dâu để tang cô ruột của chồng.

- Chị dâu, em dâu để tang anh chị em ruột của chồng và con của những người đó (tức là cháu gọi bằng bác, bằng thím).

5. Ty ma Phục: Tang 3 tháng.

- Chít để tang can (ky) nội (ngũ đại : Hồng tang chít khăn đỏ).

- Chắt để tang cụ nhà bác, nhà chú (tằng tổ bá thúc phụ mẫu và tằng tổ cô, tức là anh em ruột với cụ nội).

- Cháu để tang bà cô đã lấy chồng (chị em ruột với ông nội).

- Cháu để tang cô bá (chị em con chú bác ruột với bố).

- Con để tang bố dưỡng (nếu trước có ở cùng, sau mới về bên nội).
- Con để tang nàng hầu của cha.
- Con để tang bà vú (cho bú mớm).
- Cháu để tang tộc bá thúc phụ mẫu (anh em cháu chú, cháu bác với cha).
- Chồng để tang vợ lẽ nàng hầu.
- Anh chị em họ nội 5 đời để tang cho nhau.
- Bố mẹ vợ để tang con rể.
- Ông bà ngoại để tang cháu ngoại và cháu dâu ngoại.
- Ông của chồng để tang cháu dâu.
- Cụ để tang cho chất nội.
- Cháu để tang vợ cậu, chồng cô, chồng dì có cùng ở một nhà.
- Anh chị em con cô ruột và bạn con dì ruột để tang cho nhau.
- Cậu ruột để tang vợ của cháu trai
- Cháu dâu để tang ông bà ngoại của chồng, cậu ruột, dì ruột chồng
- Cháu dâu để tang các ông bà anh chị em ruột với ông nội chồng.
- Chắt dâu để tang cụ nội của chồng.
- Cụ để tang chắt nội trai gái.
- Ông bà để tang các cháu gái của con nhà chú, nhà bác.

Tang bên cha mẹ nuôi:

1. Kỵ bên cha nuôi thì 3 tháng, cụ bên cha nuôi thì 5 tháng, ông bà thì một năm.
2. Cha mẹ nuôi thì áo bằng gấu, hoặc sổ gấu 3 năm có cả gậy.
3. Từ ông bà trở lên nếu mình thừa trọng cũng sổ gấu 3 năm.
4. Ông bà sinh ra mẹ nuôi thì 5 tháng, còn thì đều không có.

Tang họ nhà mình (Đã là con nuôi người khác, để tang bên họ của mình):

1. Ông bà sinh ra cha thì 9 tháng.
2. Cha mẹ sinh ra mình thì 1 năm có gậy.
3. Bác trai bác gái, chú, thím và cô là anh chị em ruột với cha thì đều 9 tháng. Cô đã giá thì 5 tháng.
4. Anh chị em ruột thì 9 tháng, chị dâu, em dâu thì 3 tháng, chị em đã xuất giá thì 5 tháng.
5. Ông bà sinh ra mẹ thì 3 tháng.

Xét trong lễ nói rằng: Con gái đã xuất giá thì các tang có giáng, song đi lấy chồng, hoặc phải chồng rầy bỏ, hoặc chồng chết, con lại chẳng có, lại trở về nhà cũng như chưa lấy chồng, tang chẳng có giáng

Nếu đương để tang cha mẹ được một năm mà chồng rầy bỏ thì phải tang cha mẹ 3 năm, hoặc để tang cha mẹ được 1 năm đã trừ phục đoạn thì chẳng được để lại 3 năm, dù phải chồng đẩy trước, sau mới để tang cha mẹ chưa đủ 1 năm mà chồng mới gọi về thì chẳng nên về vội. phải nên để trọn 3 năm.

Trường phục: có ba loại:

1. Trường trường: Từ 16-19 tuổi
2. Trung trường: Từ 12-15 tuổi
3. Hạ trường: Từ 8-11 -

(Đều lấy thứ tự giáng một bậc).

Ví dụ: Giai đã lấy vợ, gái đã lấy chồng, dẫu còn trẻ cũng không thể gọi là trường được, nhưng vốn mình phải tang 1 năm trường trường giáng xuống 9 tháng, trung trường giáng xuống 7 tháng, hạ trường giáng xuống 5 tháng.

Như vốn tang 9 tháng, trường trường giáng 7 tháng, trung trường giáng 5 tháng, hạ trường giáng 3 tháng, các trường hợp khác đều như thế mà suy.

cha mẹ có để tang con không ?

Tang phục là thể hiện tình nghĩa, có phân biệt thân sơ "Họ đương 3 tháng, láng giềng 3 ngày", thể hiện lòng thương xót giữa kẻ mất người còn. Vì thế, chẳng những thân thích mà người ngoài đến phúng viếng

cũng nên đeo băng tang. Theo "Thọ mai gia lễ" thì chẳng những cha mẹ để tang con mà ông bà và cụ kỵ cũng để tang hàng cháu, hàng chất.

"Thọ mai gia lễ" quy định như vậy nhưng một số địa phương Bắc bộ quan niệm "Phụ bất bá tử" (cha không lạy con), Con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh, là bất hiếu, con chưa kịp báo hiếu cha mẹ đã chôn nọ đời, chẳng những cha mẹ không để tang con mà khi khâm liệm con còn phải quấn trên đầu tử thi một vòng khăn trắng. Nếu là đàn bà mà tử thân phụ mẫu còn cả thì phải quấn đến hai vòng, có nghĩa là ở dưới côi âm cũng để tang báo hiếu sẵn cho cha mẹ đang ở trên dương trần.

tại sao có tục kiêng không để cha mẹ đưa tang con ?

Từ biệt sinh ly, ai không thương xót, nhưng theo quy luật tự nhiên, cha mẹ già yếu từ trần, con báo hiếu cha, mẹ, đưa tang bố mẹ là chuyện thường tình. Con chết trước cha mẹ là nghịch cảnh, nhiều trường hợp chết non, gây nhiều nỗi đau thương cho bố mẹ. Giờ phút hạ huyệt là giờ phút xúc động đến cực điểm, có nhiều ông bố bà mẹ đã bị ngất lịm đi. Đã có nhiều trường hợp mẹ chết luôn bên huyệt chôn con. Hơn nữa, ngày xưa, phương tiện và thuốc thang cấp cứu khó khăn, không cho cha mẹ đưa tang con để vơi bớt nỗi đau buồn và để tránh nạn trùng tang là đúng. Chẳng những cha mẹ mà các ông già bà cả trong nội thân, sức khoẻ đã tàn cũng không được dự đưa tang, sợ vương đến sức khoẻ.

dám tang trong ngày tết tính liệu ra sao ?

Ngày Tết Nguyên Đán là ngày vui của toàn dân tộc, ngày mở đầu cho vận hội hanh thông của cả một năm, có ý nghĩa rất thiêng liêng. Gia đình phải tạm gác mối sầu riêng để hoà chung với niềm vui toàn dân tộc. Vì vậy có tục lệ cắt khăn tang trong ba ngày Tết. Nhà có đại tang kiêng không đi chúc tết, mừng tuổi bà con, xóm giềng. ngược lại bà con xóm giềng lại cần đến chúc Tết và an ủi gia đình bất hạnh.

Trường hợp gia đình có người chết vào ngày 30 hoặc mừng một Tết thì sao? Trường hợp này hiếm nhưng không phải không có. Nếu ngày 30 tháng chạp mà gia đình có thể định liệu được thì nên chôn cất cho kịp trong ngày đó, nếu để sang năm mới thì có nhiều điều bất tiện. Đa số các gia đình kiêng để sang ngày mừng một đầu năm. trường hợp chết đúng ngày mừng một Tết thì chưa phát tang vội nhưng phải chuẩn bị mọi thứ để sáng mừng hai làm lễ phát tang.

lễ cưới đã chuẩn bị sẵn vấp phải lễ tang, tính sao đây ?

Đó là trường hợp "Ưu hỷ trùng phùng". Vui và buồn dồn vào một lúc. "Sinh hữu hạn, tử vô kỳ", cuộc đời thì có hạn nhưng ai biết trước chết vào lúc nào. Theo lễ nghi thì khi trong nhà còn tang, trên đầu còn có vành khăn trắng, nhất là đại tang thì tránh mọi cuộc vui. Nhưng lễ cưới đã chuẩn bị sẵn, nếu quá câu nệ thì quả gay go cho cả hai gia đình, nhiều trường hợp tình duyên đôi lứa dở dang, nhất là các gia đình cả đôi bên đều ông già bà cả, có khi đợi đến bảy, tám năm sau chưa hết tang. Vì vậy tục lệ xưa cũng có khoản "trừ hao" : "Cưới bên tang, tức là cưới chạy tang". Khi đó người chết nằm tạm trên giường, đắp chăn chiếu lại, chưa nhập quan, hoặc gia đình có thể tự làm thủ tục khâm liệm, nhập quan nhưng chưa làm lễ thành phục. Theo nghi lễ, nếu chưa thành phục thì trong nhà chưa ai được khóc. Hàng xóm tuy có biết nhưng gia đình chưa phát tang thì chưa đến viếng, trừ thân nhân ruột thịt và những người lân cận tối lửa tắt đèn có nhau, coi như người nhà.

Trong khi đó, cả hai gia đình chuẩn bị gấp đám cưới cũng làm đủ lễ đưa dâu, đón dâu, yết cáo gia tiên, lễ tơ hồng... nhưng lễ vật rất đơn sơ, thành phần giản lược, bó hẹp trong phạm vi gia đình và một vài thân

nhân. Khách, bạn đã mời cũng miễn, sẽ thông cảm sau. Công việc cưới, gả xong xuôi mới bắt đầu phát tang. Cô dâu chú rể mới, trở thành thành viên của gia đình, chịu tang chế như mọi con cháu khác. Nếu hai gia đình thông cảm cho nhau, có thể trong một ngày, từ sáng đến trưa cưới dâu, chiều tối phát tang cũng xong.

Trường hợp nhà có đám cưới mà hàng xóm lân cận có đám tang thì sao ?

Người biết phép lịch và lòng nhân ái không bao giờ cười đùa vui vẻ trước cảnh buồn thảm của người khác. Gia đình có giáo dục, hiểu biết không bao giờ cho phép con cháu nô đùa ầm ĩ hoặc mở băng nhạc inh ỏi khi hàng xóm có việc buồn. Trong trường hợp trên, vẫn tiến hành lễ cưới bình thường nhưng không nên đốt pháo, mở băng nhạc và ca hát ầm ĩ, tránh tình trạng kẻ khóc người cười. Trường hợp có quốc tang cũng như vậy.

người dự đám tang nên như thế nào ?

Dù thân hay sơ, đã đến dự đám tang phải nghiêm túc, biểu lộ lòng thành kính đối với người đã khuất, tình ưu ái đối với tang quyến. Thật là bất lịch nếu bô bô cười nói, đùa giỡn trong lúc tang chủ đau buồn. ở nông thôn, nhiều nơi còn tục lệ cỗ bàn ăn uống linh đình trong đám tang, thực không hợp tình, hợp cảnh chút nào.

Đành rằng việc ăn uống là không tránh khỏi, nhưng chỉ nên hạn chế trong số người đến giúp việc và thân nhân ở xa về. Đối với bà con, làng xóm, khách, bạn thì tang lễ không phải là dịp để "Trả nợ miệng". Có vui vẻ gì trong lúc tang gia bối rối.

Nếu như chưa bỏ được thủ tục rượu chè đình đám thì trong lễ tang, mọi người cũng nên tự kiềm chế mình, giúp được việc gì thì tận tình giúp đỡ, không tiện về nhà ăn cơm thì cũng không nên hếch sách, trách móc. Thói cũ "Ma chê, cưới trách" có hay ho gì !

Cũng cần lưu ý các bạn trẻ : Khi đi dự đám tang không nên ăn mặc loè loẹt, hở hang, lố lăng, như vậy rất không hợp cảnh sẽ gây khó chịu cho nhiều người.

đi đường gặp đám tang nên như thế nào ?

Hồi mới tiếp quản thủ đô (1954) chúng tôi đã chứng kiến nhiều đám tang rất nghiêm túc, trật tự. Mọi người đi đường đều tự giác tuân thủ kỷ cương xã hội, trật tự giao thông.

Nếu gặp đám tang ngược chiều, không ai bảo ai, dù vội đến đâu cũng đều xuống xe, kể cả người đi xe máy, xích lô đều ngả mũ nón, dắt bộ qua đám tang rồi mới lên xe. Ô tô thì chậm lại, không bóp còi.

Nếu đi cùng chiều, không tiện xuống xe thì đi chậm lại và ngả mũ.

Thân nhân đi tiễn đưa đều tự giác đi có hàng lối, trật tự. Lái xe đám tang ăn mặc theo lễ phục, tác phong cử chỉ rất nghiêm trang.

người sắp chết có dấu hiệu gì báo trước ?

Thật kỳ lạ, xưa nay đã ai chết hai lần đâu mà biết trước rút kinh nghiệm, thế nhưng, có những cụ cao tuổi có kinh nghiệm "Tri thiên mệnh", biết trước được ngày mất của mình, mặc dầu ngày hôm trước vẫn khỏe mạnh, thậm chí có người còn tính trước được giờ mất, đánh điện cho con cháu xa về. Trong trường hợp đó gia đình phần nào đã chủ động chuẩn bị tang lễ, nhưng những trường hợp đó rất ít.

Đối với những người già yếu, có những dấu hiệu gì báo trước giờ hấp hối mà ta có thể quan sát được ?

- Xem thần sắc : chủ yếu xem hai đáy mắt còn tinh anh không hay đã đục mờ.
- Sờ chân tay xem còn nóng hay đã lạnh, người sắp chết thường lạnh từ đầu đến chân. Có người còn nhận biết mình đã chết đến đâu.
- Mạch rất trầm, có khi người còn sống nhưng không bắt mạch được nữa. Đối với người suy tim, sờ tưởng như tim đã ngừng đập, nhưng vì đập yếu nên không phát hiện được.

- Để một ít bông vào lỗ mũi mà bông không còn động đậy tức là đã tắt thở.

Có người đau ốm lâu dài, bỗng nhiên mạnh khoẻ trở lại rất tinh táo, nhiều khi đó là dấu hiệu của ngọn đèn hết dầu loé sáng lên để rồi tắt ngấm. Các cụ già thường bỏ ăn, hoặc là rất muốn ăn nhưng ăn được rất ít trước khi mất.

Cũng có trường hợp, mệnh đã tuyệt nhưng có lẽ vì nuôi tiếc con cháu ở xa chưa gặp được, hoặc do được bổ xâm hồi dương với hy vọng trong muôn một có thể qua khỏi hoặc kéo thêm ít giờ để tránh ngày xấu như trùng tang, trùng phục... thì có thể kéo dài thêm chút ít.

trong những giờ phút thân nhân hấp hối, người nhà cần làm gì ?

- Dời người sắp mất sang phòng chính tâm, đầu hướng về phía Đông.
- Hỏi xem có dặn dò trời trăng gì không
- Đặt thụy hiệu (tức tên hèm) rồi hỏi người đó có đồng ý không.
- Luôn luôn có người túc trực bên cạnh.
- Người có theo tôn giáo thì làm lễ cầu nguyện theo phép của từng tôn giáo.
- Chuẩn bị mọi thứ để tắm gội (làm lễ mộc dục) và khâm liệm (lễ nhập quan).

sau khi thân nhân mất, gia đình cần làm những gì ?

Chúng tôi chỉ nêu lên những việc làm đối những trường hợp người già yếu, mất tại nhà, theo phong tục cổ truyền. Trường hợp mất tại bệnh viện hoặc mất dọc đường, quán trọ, chết vì tai nạn, guom súng, xe cộ, rắn độc, thủy hoả tai, chưa đúng kỳ đáng chết... không đủ điều kiện để thực hiện toàn bộ thao tác và nghi lễ, vậy nên châm chước, tùy nghi vận dụng:

1. Lễ mộc dục : (tắm gội)

Lúc tắm gội cho người vừa chết thường vừa để sẵn một con dao nhỏ, một vuông vải (khăn), một cái lược, một cái thìa, một ít đất ở ông đồ rau, một nồi nước ngũ vị hương và một nồi nước nóng khác. lúc tắm, vây màn cho kín, tang chủ quỳ xuống khóc, người hộ việc cũng quỳ rồi cáo từ rằng; "nay xin tắm gội để sạch bụi trần", xong phục xuống, đứng dậy. Cha thì con trai vào tắm, mẹ thì con gái vào tắm. Lấy vuông vải đắp vào ngũ vị, lau mặt, lau mình cho sạch rồi lấy lược chải tóc lấy sợi vải buộc tóc, lấy khăn khác lau hai tay hai chân, lại lấy dao cắt móng tay móng chân, mặc quần áo cho chỉnh. Móng tay móng chân gói lại trên để trên, dưới để dưới, để vào trong quan tài; dao, lược thìa và nước đem đi chôn; rước thi thể đặt lên giường.

2. Sau lễ mộc dục thời gian chưa nhập quan:

Đắp chăn hoặc chiếu, buông màn, đặt một chiếc ghế con phía trên đầu, trên đó đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng một đôi đũa trên bát cơm và thắp hương. Có địa phương còn có tục để thêm một con dao trên bụng, (có lẽ để trừ tà ma hay quỷ nhập tràng).

3 Lễ phạn hàm:

Lễ này theo tục xưa, bỏ gạo và tiền vào miệng tránh tà ma ác quỷ đến cướp đoạt, để tiền vong hồn đi đường xa được siêu thoát. Lễ này ngày nay nhiều nơi đã bỏ, có nơi thay thế bằng may một cái túi, trong túi đựng một ít tiền gạo và một vài đồ lặt vặt mà khi sống, người đó hay dùng đến.

Theo " Thọ mai gia lễ", lễ này được tiến hành như sau:

Lấy ít gạo nếp xát cho sạch, ba đồng tiền mài cho sáng (nhà giàu thì dùng vàng hoặc viên ngọc trai).

Tang chủ vào khóc quỳ, người chấp sự cũng quỳ, cáo từ rằng: " nay xin phạn hàm, phục duy hân nạp". Người chấp sự lần lượt xướng "Sơ phạn hàm, tái phạn hàm, tam phạn hàm". Tang chủ ba lần, mỗi lần xúc một ít gạo và một đồng tiền tra vào mồm bên phải, rồi đến bên trái, cuối cùng vào giữa. Xong, bóp mồm lại, phủ mặt như cũ.

4. Lễ khâm liệm nhập quan:

Các con vào, con trai bên trái, con gái bên phải. Người chấp sự xướng. Tụ lập (đứng gần vào), cử ai (khóc cả lên), quỳ. Chấp sự cũng quỳ mà cáo từ rằng "Nay được giờ lành, xin rước nhập quan". "Cẩn cáo" xong lại xướng: phủ phục (lễ xuống), hưng (dậy), bình thân (đứng thẳng).

Sau đó các con cháu tránh ra hai bên, người giúp việc quay và đều cầm tạ quan nâng lên để đưa người vào cho êm ái, đặt cho chính giữa quan tài, nếu có hờ chỗ nào cần lấy áo cũ của người vừa mất bỏ khuyết cho đầy đủ, rồi gấp dưới lên đầu trước, bên trái gấp trước, bên phải gấp sau, trên đầu gấp sau cùng, sơn nẹp đóng lại. Chú ý: Những quần áo của người đang sống, hoặc quần áo mà người đang sống có mặc chung thì kiêng không được bỏ vào áo quan.

Đồ khâm niệm: nhà giàu dùng vóc nhiều, tơ, lụa; nhà thường dùng vải trắng may làm đại liệm (1 mảnh dọc, 5 mảnh ngang) hoặc tiểu liệm (1 mảnh dọc 3 mảnh ngang). Ngày trước, quy định đại liệm hay tiểu liệm vì khổ vải nhỏ. Ngày nay, dùng vải khổ rộng, miễn kín chân, tay, đầu, gót là được. "Tục ta nhiều người tin theo thầy phù thủy, trong quan tài thường có mảnh ván đục sao Bắc Đẩu thất tinh. Trước khi nhập quan thường chọn giờ, tránh tuổi rồi dùng bùa nọ bùa kia dán ở trong, ngoài quan tài. Có người cho là chết phải giờ sấu thì bỏ cỗ bài tổ tôm hoặc quyền lịch hoặc tàu lá gồi để trấn át ma quỷ" (Trích "Việt Nam phong tục"- Phan Kế Bính - tr.31)

Mọi việc xong thì sơn gắn quan tài cho kỹ càng, đặt chính giữa gian giữa, hoặc nhà còn người tôn hơn thì đặt sang gian cạnh.

5. Lễ thiết linh :(Sau khi nhập quan)

Là lễ thiết lập linh vị, đặt bàn thờ tang.

Khi chưa chôn cất thì lấy lễ thờ người sống mà lễ, nên mỗi lần lạy chỉ lạy hai lạy, trong linh vị và khăn vấn dùng chữ "Cố phụ", "Cố mẫu" thay cho "Hiên thảo", "Hiên tỹ".

6. Lễ thành phục :

Tức là con cháu mặc đồ tang để cúng tế và đáp lễ khi khách đến viếng. Trước khi thành phục, nếu có khách đến thì người chủ tang chưa ra tiếp mà người hộ tang thay mặt tiếp khách và thông cảm với khách. Sau lễ thành phục mới chính thức phát tang. Sau đó thân bằng cố hữu, làng xã mới đến phúng viếng.

tại sao có thủ tục hú hồn trước khi nhập quan ?

Vì đã có những trường hợp bị choáng, ngất, bất tỉnh nhân sự. Người ta dùng mọi thủ thuật để kích thích thì hồi tỉnh, trong đó có thuật hú hồn hú vía. Cũng có trường hợp đã tắt thở, tưởng là đã chết rồi nhưng sau một thời gian bỗng nhiên sống lại. Do đó với một hy vọng dầu mỏng manh, mặc dầu trong muôn một, người sống tiếc thương muốn cứu vãn... nên cầm chiếc áo quần của người đã tắt thở, leo lên mái nhà chỗ cao nhất hú "Ba hồn bảy vía ông" hoặc "Ba hồn chín vía bà" về nhập xác. Hú ba lần không được thì cũng đành lòng chịu khâm liệm mà tin rằng như vậy hồn đờ vất vưởng, biết tìm đường về nhà (Khâm liệm xong vẫn chưa dỡ đóng chốt áo quan). Đây là một phong tục chủ yếu để thoả mãn tâm linh.

trường hợp chết đã cứng lạnh, người co rúm không bỏ lọt áo quan thì làm thế nào ?

Theo kinh nghiệm dân gian: Hơ lửa và nắn dần cho thẳng ra, hoặc dùng cùn, rượu xoa bóp, nếu vẫn còn cứng lại thì có thuật dùng hai chiếc đũa cả để hai bên mép áo quan rồi cho thi hài lọt xuống dần, khi thi hài đã lọt vào áo quan rồi thì phải cắt bỏ những dây buộc chân, buộc tay, buộc vai, buộc hông để người chết có thể nằm thoải mái.

người xưa dùng những vật gì lót vào áo quan ?

Trong các ngôi mộ cổ khai quật được, ngoài các đồ trang sức của người chết, phía trong áo quan thường có lót lá chuối, giấy bản, chè búp, bông nếp hoặc khăn vóc áo nhiễu... Trong quan, ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng. Các thứ đó đều là những chất hút ẩm và ngăn giữ khí hôi hám khỏi bốc ra ngoài, nhất là thời xưa chết xong chưa mấy ai đã chôn ngay, còn phải sắm đủ lễ vật, tế khí, còn phải xa gần phúng viếng linh đình, còn phải chọn ngày, chọn đất mới làm lễ an táng.

tại sao trước khi khâm liệm nhập quan có tục đưa người chết nằm xuống chiếc chiếu giải dưới đất ?

Theo Phan Kế Bính : "Lấy nghĩa, người ta bởi đất sinh thì chết lại về với đất". Chúng tôi cho rằng tục đó phát sinh từ kinh nghiệm thực tế để dễ thao tác. Và chẳng, trong cơ thể người chết còn có điện trường sinh học, làm như vậy khả năng tích điện âm trong cơ thể người chết mới được giải thoát, đó là một phương thuật phòng xa hiện tượng "Quỷ nhập tràng".

sau lễ thành phục, trước lễ an táng phải làm gì ?

Thời nay đơn giản, để giữ vệ sinh không nên để quá 24 giờ. Thời xưa, có những nhà giàu sang để năm bảy hôm trong nhà, chờ con cháu về đông đủ, để họ hàng, làng xã, hàng tổng hàng huyện đến phúng viếng; để dựng rạp trước sân, dựng nhà trạm dọc đường từ nhà đến mộ để chuẩn bị mọi thứ khí tế và cỗ bàn thết đãi linh đình; để thầy cúng chọn ngày, thầy địa lý chọn đất an táng, phân kim lập hướng hẳn hoi. Có nhà còn sắm đủ trong quan ngoài quách, quần tằm trong vườn, vài tháng sau mới làm lễ an táng.

Trong thời gian chưa chôn có "Lễ triều tịch điện" : Buổi sáng dậy bưng khăn lược vào linh sàng, các con quỳ khóc ba tiếng rồi quán màn lên cáo từ rằng: "Ngày đã sáng rồi xin rước linh bạch ra linh toạ". Sau đó rước hồn bạch ra đặt vào ỷ, vắt màn, dọn chăn gối, chiều tối lại rước linh bạch vào, đắp chăn thả chiếu, màn xuống. Thờ như lúc sống, chỉ lạy hai lạy (chỉ sau khi an táng, làm lễ thành phang xong mới lạy bốn lạy theo nghi lễ người chết).

Các buổi tối trước khi chưa chôn, có "Lễ chúc thực" (Trông bó đuốc trước sân): phường bát âm tấu nhạc, con cháu thay nhau túc trực bên linh cữu, trong nhà ngoài sân đèn đuốc sáng trưng.

Khi thân bằng cố hữu đến phúng điệu, người chủ tang và người chủ phụ đứng cạnh linh toạ và ngoảnh mặt về phía khách, hễ khách lạy hai lạy thì chủ lễ tạ lại một lạy. Khách vái cha mẹ mình ba vái thì vái tạ một vái. Trách nhiệm tiếp trà, nước, cỗ bàn thuộc về người hộ tang.

Nếu có người con trai nào đi vắng chưa kịp về thì để mũ, khăn xô và gậy cạnh hương án.

Trước khi làm lễ chuyển cữu để chuẩn bị phát dẫn thì áo quan vẫn trở đầu vào trong, coi như lễ người sống, đọc văn cũng chưa dùng chữ "Hiển thảo" (cha) "Hiển tử" (mẹ) mà con dùng chữ "Cố phụ" (cha), "Cố mẫu" (mẹ)

ở thành phố ngày nay đã có nhà ướp lạnh, ở nông thôn để dăm bảy ngày trong nhà, phải làm sao cho khỏi nhiễm uế khí ? - Điều quan trọng nhất là người trị tang phải có kinh nghiệm : áo quan vỏ dày, gỗ tốt, trám thật kín, không để một khe hở nào. Đáy áo quan lót những chất chống ẩm như lá chuối, giấy bản, than, vôi, bông nếp... Các khe hở của áo quan được bịt kín trước bằng sơn ta, nhựa đường, dán giấy tráng kim. Nếu để lâu phải có trong quan ngoài quách, giữa quan và quách đổ cát vàng rang khô nóng. Phủ trên thì hài có các thứ hương vị để khử uế khí.

Trước ngày an táng còn có thêm tục "Lễ yết cáo tổ tiên", nếu không đưa được linh cữu, phần lớn các gia đình rước hồn bạch đến nhà thờ họ. Hồn bạch chỉ được đặt phía trước bàn thờ, để ở dưới, không được đưa lên bàn thờ tổ. Nội dung: Báo cáo với gia tiên có thân phụ hoặc thân mẫu về châu thổ. Xong lại rước hồn bạch về nhà mình, đặt lại trên linh toạ.

những người điều hành công việc trong lễ tang

Trong lúc tang gia bối rối không có người chủ đạo điều hành, công việc sẽ rất lúng túng và phạm nhiều sai sót.

Khi thân nhân sắp từ trần, việc đầu tiên tang gia phải mời được người hộ tang. Người hộ tang phải là người thân thích gần gũi, có tuổi tác, kinh nghiệm, tháo vát, có uy tín trong họ. Người hộ tang thay mặt tang chủ điều hành mọi công việc, đối nội đối ngoại.

Nếu người hộ tang biết cúng lễ thì kiêm luôn, nếu không thì mời người chấp sự. Người chấp sự lo việc hướng dẫn về mặt nghi lễ từ mộ đục, khâm liệm, thiết linh, thành phục đến an táng. Thành phần và tế ngu (lễ 3 ngày sau khi chôn). Người chấp sự thường là người có văn hoá (chữ Hán, chữ Quốc ngữ) nên có thể kiêm luôn cả việc tư vấn (viết văn cúng tế, bài vị, long triệu, đối, trướng, cáo phó...).

Người thu lễ: Sau khi thành phục cho đến hết 3 ngày sau khi an táng phải có người thu lễ. Người đó chuyên túc trực ở nhà ngoài, hễ có khách đến phúng viếng thì tiếp khách nhận lễ đặt lên bàn thờ, báo cho thân chủ ra bái tạ. Người thu lễ phải ghi đầy đủ danh sách người đến viếng và số lễ vật, để sau này tang chủ biết mà tạ ơn. Người thu lễ kiểm tra lễ vật sau khi khách đã cúng lễ xong ra về. Vì vậy phải chọn người thân tín của tang gia.

Người chấp hiệu: Thông thường các ban hành lễ đã có người chấp hiệu chuyên trách. Người chấp hiệu là chỉ huy đám phu kiệu đưa quan tài từ nhà ra xe tang hoặc đại dư (tuy không có xe nhưng khiêng kiệu hay xe gọi là đại dư), điều khiển việc đi đứng, nâng lên hạ xuống, sang trái sang phải, bằng hiệu lệnh hai thanh gỗ ngắn cầm tay, cho đến lúc hạ huyệt, tháo giày đôn mà chén rượu, đĩa dầu lạc đặt trên nắp áo quan không sánh ra ngoài. Người chấp hiệu ngồi trên đại dư ở phía sau, hoặc đi bộ giật lùi trước quan tài để điều khiển.

Nếu gia đình nào tự thu xếp để con cháu khiêng áo quan thì phải chú ý chọn người chấp hiệu nhiều kinh nghiệm.

Chủ tang và chủ phụ: Là con trai trưởng và con dâu trưởng. Nếu tang cha mà mẹ còn sống thì mẹ là chủ phụ. Nếu cháu đích tôn thừa trọng (thay thế cha đã mất, khi làm lễ tang ông bà) thì cháu đích tôn là chủ tang, các ông chú đứng hai bên chỉ là bồi tế vợ của người cháu là chủ phụ khi bà chồng và mẹ chồng đã mất, còn các bà thím chỉ là phụ. Nếu cháu đích tôn còn bé quá, chưa chồng gậy lễ tạ được thì chú thứ hai thay thế, nhưng vẫn phải nhân danh cháu mà bái lễ và bái tạ.

Những tục nghi lễ ngày xưa khá phức tạp, ngày nay đã được cải tiến, một số tục lệ lạc hậu, lỗi thời đã bị nhiều vùng bãi bỏ, ví dụ tục lẩn đường, đuổi tà ma ác quỷ. Lệ tục chung vận dụng vào từng địa phương, từng hoàn cảnh cụ thể khác nhau, ngày xưa đã vậy, huống hồ ngày nay. Có gia đình con đàn cháu lữ, của ăn của để, sung túc đề huề, có gia đình đơn bạc nghèo nàn nên phải tùy nghi châm trước.

lễ an táng tiến hành như thế nào ?

Tùy từng địa phương, từng tôn giáo, mỗi nơi nghi lễ phong tục một khác. Thời trước có thôn ấp cử những người trai tráng trong làng xóm ra khiêng vác chôn cất. Nơi có hội tư văn, thì hội tư văn đứng ra lo liệu điều hành công việc theo hương ước định sẵn. Hiện nay ở nông thôn có các hội trợ tang, thành phố thị xã có ban quản lý nghĩa trang, một số chi hội trọng thọ các phường xã hoạt động, đứng ra lo liệu chu đáo.

Lễ an táng tiến hành tùy theo hoàn cảnh từng nhà, "Giàu làm kép, hẹp làm đơn". Ở đây chỉ nói phần tang gia cần làm gì:

- Khi có người thân mất, tang chủ cần đến báo gấp, để cùng bàn bạc theo quy ước đã định.

- Thời xưa, tang chủ có khoản tiền thưởng cho người chấp hiệu và những phu kiệu. Nếu từ khi đưa áo quan lên kiệu, đi đến huyệt mà chén rượu, đĩa dầu lạc để trên áo quan không sóng sánh ra ngoài thì tang chủ đưa tiền thưởng rất hậu.

- Thân nhân, theo thứ tự nhân sơ quy định, tang phục theo gia lễ, đều xếp hàng đi theo sau linh cữu. Thời xưa có cái bạt bằng vải trắng che trên đầu gọi là bạch mạc. Người con trưởng đi trước hoặc kèm sau xe quan tài theo tục "Cha đưa mẹ đón".

- Hạ huyệt xong, tất cả người đi đưa đều đi vòng quanh mộ một vòng, mỗi người ném xuống một hòn đất.

- Đắp mộ xong, mọi người đứng vòng quanh mộ, người hộ tang, người chấp sự tiến hành lễ thành phần.

-Nghỉ thức chung như trên, nhiều nơi còn có tục riêng như cầu kinh, yểm bùa, nhốt con gà, cài cây lá chứa, dựng cây nêu, đóng cửa mả, đốt hình nhân... rắc vàng khâu dọc đường, cắm hương ở các mộ xung quanh, mời người qua đường ăn trầu hút thuốc, đãi người đắp mộ...

hơi lạnh ở xác chết, cách phòng

Hơi lạnh hay âm khí, tà khí có ở xác người chết không?

Chưa ai đo nhiệt độ cụ thể trong thi thể người chết nhưng nhiều người đã công nhận rằng, theo cảm giác thì người mới chết lạnh hơn nhiều so với nhiệt độ bình thường của con người cũng như của môi trường xung quanh.

Hiện tượng đó được giải thích như sau: Con người đang ở nhiệt độ bình thường (37°C), tự nhiên mất nhiệt thì nhiệt độ không chỉ hạ xuống tới hoà đồng với nhiệt độ môi trường mà còn tụt xuống thấp hơn, sau đó một thời gian nhiệt độ mới nhích dần lên tới thể ổn định.

Dân gian công nhận hiện tượng hơi lạnh ở nhà người chết mới chết là hiện tượng có thực, hiện tượng vương phải hơi lạnh bị ốm cũng là hiện tượng phổ biến, nhất là đối với những người bị các chứng kinh niên như phong thấp, huyết áp cao, tâm thần... còn đối với những thanh niên mạnh khoẻ thì không mấy ai bị ảnh hưởng.

Có thuyết cho rằng: Những người đồng khí huyết (con cái với cha mẹ, anh chị em ruột hoặc gần huyết thống) thì không bị nhiễm hơi lạnh, không có phản ứng gì kể cả khi ôm ấp thi hài và khâm liệm. Tuy nhiên, để phòng xa, người ta vẫn kiêng không cho các bậc cao lão, phụ nữ có thai sắp đến ngày sinh hoặc sản phụ hải nhi đến dự khâm liệm, an táng và cải táng.

Có người hấp thụ phải hơi lạnh thì phản ứng tức thì. Có người trực tiếp khâm liệm, nhiễm hơi lạnh, bản thân khoẻ mạnh không việc gì, nhưng để phòng ngừa cho người ở nhà nên khi vào nhà có người già, ốm yếu, trẻ sơ sinh vẫn phải xông khói rồi mới vào. Những người hàng xóm xung quanh nhà có tang lễ, nếu có cụ già trẻ nhỏ ốm yếu thường đặt sẵn ở cửa ra vào một lò than đốt vỏ bưởi và quả bồ kết để trừ uế khí. Những người nghi bị chó dại cắn, gia đình thường tuyệt đối cách ly đám tang và nơi nghĩa trang, e rằng vương phải hơi lạnh chưa kịp chạy chữa đã phát bệnh.

tại sao, tại sao và tại sao ?

-Tại sao có tục đặt một bát cơm úp, một quả trứng, dựng đôi đũa trên bát cơm, cài quả trứng vào giữa hai chiếc đũa rồi thắp hương đặt lên trên đầu người chết suốt trong thời gian chưa nhập quan?

-Tại sao người ta cắm một cái cọc bằng kim loại suốt chân giường người chết?

-Tại sao khi chưa nhập quan, người ta luôn luôn thắp hương nền (nếu không có nền thì thắp ngọn đèn dầu) cho đến khi hạ huyết không để tắt hương đèn?

-Tại sao hai bên hương án, phía gần kề áo quan, người ta đặt hai cây chuối con?

-Tại sao có tục dựng bó đuốc to ở giữa sân vào ban đêm trước lễ an táng (nếu để qua đêm), con cháu và thân nhân túc trực quanh linh cữu (lễ "Chúc thực" ban đêm, nghĩa là "lễ trông bó đuốc"?)

-Tại sao có tục kiêng ngăn người nhà không được đứng cạnh thi hài mà khóc, tránh nhỏ nước mắt vào thi hài?

- Tại sao sau lễ nhập quan phải đốt lỗ hung (lỗ đào ở chính giữa giường người mới chết nằm khi chưa nhập quan. Chát đốt có thể dùng trấu, than, củi hoặc giẻ rách...).

-Tại sao lễ tang là việc buồn lại đốt pháo? (Tục này chỉ có ở thành phố đối với người già).

-Tại sao phải nhốt mèo khi nhà có người mới chết ?

-Tại sao khi người chết trong nhà, người ta phải treo lên mái nhà dỡ một vài viên ngói, hoặc lá tranh (đối với nhà bịt nóc và ít cửa)?

Những câu hỏi trên cùng có chung một câu trả lời: Đó là kinh nghiệm dân gian, dùng phép thuật điều hoà khí âm dương, thu hút tà khí để phòng chống hơi lạnh và phòng xa hiện tượng "Quý nhập tràng". Xuất phát từ kinh nghiệm, dần dần bắt trước nhau trở thành phong tục.

Dùng khói lửa, ánh sáng mặt trời (đốt hương, nến, đèn, đuốc, than, trấu, dỡ mái nhà, mở rộng cửa, đào lỗ hung, đốt pháo...) để triệt tiêu hơi lạnh. Dùng bát cơm, quả trứng, cây chuối... để thu hút hơi lạnh (nếu bỏ

đôi quả trứng, có nhiều lòng đỏ đã trở nên xanh thẫm giống như những quả trứng dùng để đánh gió.). Nhốt mèo để phòng mèo nhảy qua xác chết, kiêng khóc nhỏ nước mắt vào thi hài hoặc cắm cọc kim loại dưới giường người chết, dỡ mái nhà... là những thuật triệt tiêu luồng điện âm dương hút nhau. Ngoài ra, những người đến dự lễ tang, nhất dự khâm liệm còn có những thuật khác để phòng chống hơi lạnh như ngâm gừng sống, uống nước lá nhót, ăn trâu và xông khói vỏ bưởi, bồ kết trước và sau khi đến lễ tang.

hiện tượng quỷ nhập tràng

Đó là hiện tượng xác chết tự nhiên bật dậy. Hiện tượng này rất hiếm nhưng đã xảy ra, do đó trong phong tục đã có sự kiêng cử để phòng xa, gọi là "Quỷ nhập tràng" nhưng thực ra không có ma quỷ nào nhập vào xác chết. Nguyên nhân: Do điện âm tích tụ trong thi thể người mới chết chưa kịp thoát ra hết, gặp phải luồng điện dương cực mạnh cuốn hút.

Xác chết tự nhiên bật dậy là do sự cuốn hút bởi một ngoại lực có cảm ứng điện trường. Vì vậy theo quan niệm dân gian, khi trong nhà có người mới chết kiêng cử nhất là không để cho con mèo bắt thần nhảy qua xác chết (người ta phải canh giữ, phải nhốt mèo lại). Đã có trường hợp, chén rượu hắt văng vào xác chết, giọt nước mắt có hơi ấm nhỏ vào xác chết cũng tạo thành luồng khí, có thể cuốn hút xác chết bật dậy nhưng ngã xuống ngay tức thì. Hiện tượng xác chết đuổi theo người sống: Xác chết không thể bước đi được mà do hơi nóng của người sống cuốn hút, hoặc trường hợp có luồng không khí đối lưu cân bằng khi xác chết ở tư thế đứng song song với người sống. Việc dỡ ngói hay tranh trên mái nhà để ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào cũng nhằm triệt tiêu hiện tượng cuốn hút đó.

lễ ba ngày (lễ tế ngu) tính từ sau khi mất hay sau khi chôn cất ?

Tục này không thống nhất, có nơi tính ba ngày sau khi mất, có nơi tính ba ngày sau khi chôn. Xét trong điển lễ thì không có "lễ ba ngày" mà chỉ có "lễ tế ngu" gồm có "sơ ngu", "tái ngu", "tam ngu". "ngu" nghĩa là "yên", tức là ba lần tế lễ cho yên hồn phách, theo "Thọ mai gia lễ" thì khi chôn xong, rước linh vị về đến nhà tế sơ ngu. Làm sơ ngu xong gặp ngày nhu, (tức là ất, kỷ, tân, quý) làm lễ tái ngu, gặp ngày cương (tức là ngày giáp, bính, mậu, canh, nhâm) làm lễ tam ngu. Phan Kế Bính cũng dẫn giải như trên.

Dần dần về sau người ta giảm lược, kiêng cả ba lễ luôn, chỉ làm lễ tam ngu, vì thế nên gọi là lễ ba ngày. Vậy là tính ba ngày từ sau khi chôn, theo tục gọi là lễ mở cửa mả. Ngày đó con cháu ra sửa lại mồ mả, đắp cỏ, khơi rãnh thoát nước... Ngu là tế ngu, tế chỉ tế người chết, tế thần. Theo phong tục cũ thì ít khi chết xong chôn ngay, thường còn để năm bảy ngày trong nhà. Khi chưa chôn làm lễ triêu tịch điện, tức cúng cơm hàng ngày vẫn theo lễ thờ người sống. Vậy tế ngu phải tính từ sau khi chôn.

Còn có một lập luận khác: Có ba điều không yên khiến phải làm lễ tế ngu:

-Đang sống hoạt động nay mọi hoạt động bỗng nhiên đình chỉ.

-Đang nhìn thấy bóng dáng, khi đã nhập quan không nhìn thấy bóng dáng nữa.

-Đang ở trên dương thế, nay xác về cõi âm, hồn vất vưởng lìa khỏi xác. Âm dương hoàn toàn cách biệt từ sau lễ thành phần. Sơ ngu, tái ngu, tam ngu là tế để làm cho yên hồn phách, vậy phải tế sau khi mất, sau khi lễ nhập quan và sau khi lễ thành phần xong.

Thời này cũng có trường hợp sau khi chết 4-5 ngày còn để trong nhà lạnh chưa chôn nên không thể làm lễ ba ngày trước lễ an táng.

tại sao có lễ cúng cơm trong 100 ngày ?

Gia đình Việt Nam nhà nào cũng vậy, mỗi ngày có hai bữa cơm là giờ phút đầm ấm nhất. Trong nhà có người về muộn, mọi người cũng cố chờ về ăn cơm một lúc cho vui vẻ, đầm ấm. Con cháu cầm bát cơm lên, trước hết mời ông bà, cha mẹ, chờ ông bà, cha mẹ rồi mới bắt đầu mới dám ăn. Có nơi xới bát cơm lần thứ hai còn mời nữa. Nếu có khách, trước khi buông bát đĩa đứng dậy còn phải xin phép và mời khách tiếp tục xơi cơm. Cuộc sống gia đình đang vui vẻ, êm đẹp như vậy, vắng mặt trong bữa cơm còn nhắc, hướng chỉ vĩnh viễn đi xa. Do đó, trước bữa ăn người thân dâng lên bàn thờ một bát cơm úp, một vài món ăn bình thường, nhà ăn thứ gì cúng thứ đấy, thường là tinh khiết, không đòi hỏi cầu kỳ, nhà nghèo thì lưng cơm, đĩa muối cũng xong. Thắp hương xong, dựng đôi đĩa vào giữa bát cơm, có rượu thì rót chén rượu. Khăn vải xong cũng rót chén nước.

Thờ cúng vong linh cũng giống như đang sống, cũng là để thỏa nguyện tâm linh, "Lấy câu vận mệnh khuây dân nhớ thương".

Nhưng tại sao lại cúng 100 ngày?

-Cũng tùy địa phương, có nơi chỉ cúng 49 ngày (tức là lễ chung thất). Theo thuyết của Phật giáo: qua 7 lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua một điện ở âm ty (tức 1 tuần, nhưng không phải tuần lễ theo dương lịch); sau 7 tuần vong hồn đã siêu thoát. Có nơi cúng hết 100 ngày (tức lễ tốt khốc nghĩa là thôi khóc). Theo giải thích của các cụ ngày xưa thì thời gian này âm hồn vẫn còn phảng phất luân quần trong nhà chưa đi xa.

Chúng tôi cho rằng, phong tục này có căn cứ khoa học: Theo thuyết Thần giao cách cảm, ngoài điện trường vật lý đã được ứng dụng trong thực tiễn, còn có điện trường sinh học. Những cá thể có cùng tần số cảm ứng trong điện trường sinh học, mặc dầu ở cách xa nhau rất xa vẫn nhận được những nguồn thông tin của nhau. Các nhà khoa học đã vận dụng những phát triển đó để giải thích về điềm, về giấc mơ, về những biểu hiện tâm, sinh lý bất thường khi thân nhân (có thể cách nhau rất xa về không gian) có cùng tần số điện trường sinh học có sự biến bất thường. Người ta bảo chết là hết. Nhưng, chết chưa phải là đã hết khi người chết còn tồn tại trong tâm chí người sống. Sau khi chết, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, thần kinh cảm giác ngừng hoạt động, vỏ não chưa bị huỷ, xung quanh hiện trường phát từ não vẫn chưa ngừng phát sóng. Lớp đất dày không ngăn được sóng điện vật lý hay sóng điện sinh học. Cá thể sống có tần số điện trường sinh học tương ứng vẫn tiếp nhận được tín hiệu, do đó hiện tượng báo mộng chưa hẳn là vu vơ, không đáng tin. Phải chăng vì lẽ đó mà các cụ cho rằng âm hồn còn phảng phất, chưa siêu thoát.

làm lễ chung thất (49 ngày) và tốt khốc (100 ngày), có phải chọn ngày không ?

Theo "Thọ mai gia lễ", thì cứ đúng ngày quy định trong gia lễ mà làm, không có sự chuyển dịch tùy tiện theo lời thầy lễ hay thầy bói nào cả. Chỉ trừ ngày làm lễ an táng và ngày làm lễ trừ phục (hết tang) trong gia lễ có ghi chọn ngày lành. Người ta không ai có thể chọn ngày chết, vậy nên từ xưa tới nay, hàng năm cứ đến ngày mất thì làm giỗ, dù cho có những năm, ngày đó rất xấu, có cả trùng phục, trùng tang, sát chủ, quả tú, cô thân.v.v... theo gia lễ: Lễ chung thất, Tốt khốc, Tiều tường, Đại tường cứ theo đúng ngày mà làm lễ.

Con cháu ở xa nhớ ngày về làm lễ, thân nhân ở chỗ khác sắm sửa lễ đúng ngày tới dự, chẳng lẽ đến nơi thấy hương lạnh khói tàn, gạt nước mắt lùi thui ra về hay sao? người chủ sự báo lại rằng: theo lời thầy lễ đã lễ xong xuôi đâu đấy rồi, hoặc đợi thêm vài ngày nữa, được chăng? Xin lưu ý tang tế theo ngày định sẵn, thân bằng, cố hữu ai lưu luyến đến thăm viếng, không đợi thiệp mời như lễ mừng, lễ cưới, không chuyện "Hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo" (mời thì đến, không thì thôi).

lễ nào là lễ trọng ?

Đây là câu hỏi phổ biến của nhiều gia đình:

- Trong một năm có nhiều lễ giỗ: Giỗ cha, mẹ, ông, bà, cụ, kỵ .v.v... thì giỗ nào quan trọng hơn cả?
- Sau khi an táng xong, có lễ ba ngày, 49 ngày, 100 ngày, lễ giỗ đầu, lễ giỗ thứ hai.v.v... lễ nào là lễ chính?

Đáp: Thời xưa chưa thấy ghi trong điển lễ, nhưng thời nay lại là vấn đề rất thiết thực, vì nhà nào cũng vậy con cháu nội ngoại công tác cư trú phân tán mỗi người một nơi, không mấy gia đình không có người đi xa, trong một năm chỉ có điều kiện tụ hội gia đình một hoặc hai lần nhân ngày lễ trọng của gia đình, hoàn cảnh kinh tế eo hẹp, muốn mời bà con khách bạn trước là tới dự lễ gia tiên cùng thoả nguyện tâm linh, sau là để tỏ tình thân hiếu, không thể rải ra nhiều lần, vậy phải xác định tập trung vào lễ chính.

Về lễ giỗ thì phong tục các nơi nói chung đều thống nhất lấy giỗ cha mẹ là chính (chú ý cha mẹ của người tôn trưởng nhất trong nhà) còn lễ tang thì phong tục mỗi nơi một khác. Có nơi chú trọng lễ 49 ngày là chính, có nơi lễ 100 ngày là chính, có nơi làm lễ 3 ngày xong xuôi tốt đẹp là được, bởi lễ trong khi tang gia bối rối, việc thù đáp đối với thân bằng cố hữu và những người đến hộ tang có thể còn nhiều khiếm khuyết nên lấy lễ ba ngày làm lễ trọng, để nhân lễ này tang gia tạ ơn những người săn sóc cha mẹ mình khi đau yếu và giúp đỡ gia đình lo xong phần an táng. Có nơi coi trọng lễ giỗ đầu (gọi là "Tiểu tường") có nơi coi trọng lễ giỗ thứ hai (gọi là "Đại tường", còn gọi là "giỗ hết"). Có lập luận cho rằng: Đã gọi là "Tiểu tường". Xét theo lễ nghi thì ngày nay kết hợp đại tường và đàm tế có nhiều nghi tiết phức tạp hơn tiểu tường (xem phần: "Cách tiến hành đàm tế").

Tóm lại: Hoàn cảnh kinh tế, hoàn cảnh sinh hoạt thời xưa thời nay khác nhau, đây là vấn đề thiết thực, nhất là đối với những gia đình còn nhiều khó khăn về kinh tế và con cháu làm ăn xa nên tùy theo phong tục từng nơi. Hoàn cảnh cụ thể từng nhà mà thoả ước với nhau, có điều kiện thì hội tụ gia đình, ai ở xa nhớ ngày nhớ tháng làm lễ tưởng niệm cũng được.

khi hết tang làm lễ trừ phục (đàm tế) như thế nào ?

Sau hai năm chọn một ngày tốt trong vòng ba tháng dư ai, để làm lễ trừ phục. Trừ phục gồm 3 lễ:

1. *Lễ sửa mộ*: Đắp sửa mộ thành mộ tròn.
2. *Lễ đàm tế*: Cất khăn tang. Huỷ đốt các thứ thuộc phần lễ tang, rước linh vị vào bàn thờ chính. Bỏ bàn thờ tang. Thu cất các bức trướng, câu đối viếng.
3. *Lễ rước linh vị vào chính điện và yết cáo tổ tiên*: Chép sẵn linh vị mới, phủ giấy hay vải đỏ, khi đàm tế ở bàn thờ tang xong thì đốt linh vị cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Sau đó rước linh vị, bát hương và chân dung (nếu có) đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới. Trường hợp nhà con thứ không thờ gia tiên bậc cao hơn thì vẫn để nguyên bàn thờ như cũ, không phải chuyển bàn thờ mà chỉ cần yết cáo gia thần và yết cáo tổ ở nhà thờ tổ.

Vì sao có tục đốt vàng mã ?

Theo quan niệm của người đời xưa, người chết cũng cần ăn uống, nhà cửa, quần áo, hút thuốc, ăn trầu, cũng cần tiền xe, cần tiền đi lại và mọi khoản chi dùng như khi còn sống... Người chết cũng được chia một phần gia tài. ở Sơn La, Lai Châu, nhiều nơi còn dựng các nhà mồ, trong nhà mồ cũng có đầy đủ các nôi đồng, mâm gỗ, ấm đất, bát đĩa, dao rựa, chăn chiếu quần áo, mũ nón... đủ tiện nghi cho một cá nhân. Người chết cũng được chia cả trâu, lợn, gà, thóc, gạo... Sau ba năm, tang chủ làm lễ khấn vái và ra mồ xin lại những đồ vật còn dùng được, và súc vật còn sống, kể cả súc vật vừa mới đẻ ra...

Từ việc cúng tế bằng đồ thật, dần dần mới sinh ra lễ đốt vàng mã, tức là thay thế bằng các đồ vật làm bằng tre, gỗ, rơm, rạ, đất sét hoặc giấy tượng trưng, nhưng kích thước thu nhỏ lại để người cõi âm mang đi, nhờ có "Phép thiêng biến ít thành nhiều". áo quần của người chết mặc khi còn sống, để lại nhà mồ sau

ba năm mục nát, không nỡ dùng vào việc khác, người ta đốt đi dần dần sinh ra được thay thế bằng quần áo giấy. Vì vậy mới có câu tục ngữ "Đi theo ma mặc áo giấy".

chiêu hồn nạp táng là gì ?

Trong gia phả các họ rất chú trọng mục: Mộ táng ở đâu. Trong mục này có một số trường hợp ghi chú: "Chiêu hồn nạp táng" là gì?

Đó là những ngôi mộ không có tử thi, hài cốt, mộ người chết trận, chết đuối hay do thú dữ vồ... không tìm được tử thi. Thân nhân làm hình nhân và làm lễ an táng theo như lễ an táng thông thường.

Được nghe các cụ kể lại rằng: chất liệu làm hình nhân, có địa phương dùng cây núc nác (còn gọi là sò đo thuyền, mộc hồ điệp, nam hoàng bá, bạch ngọc nhi). Núc nác là loại gỗ mềm và xốp, dễ tạo hình, chôn dưới đất lâu hoai, lại dễ kiếm vì mọc ở nhiều nơi. Có địa phương dùng bùn lầy ở giữa dòng sông, có địa phương dùng mùn đào ở giữa ngã tư đường cái.

Hình nhân được đeo gót hoặc nhào nặn thô sơ, có đầu mình chân tay là được (vì đa số không phải là nghệ nhân). Kích thước của hình nhân khoảng 30-40 cm chiều dài. Thi hài tượng trưng đó cũng được khâm liệm, đưa vào áo quan làm bằng gỗ vàng tâm, kích thước nhỏ bé, hoặc đưa vào tiểu sành. Trên hình nhân có phủ lên linh vị viết trên giấy kim tuyến, nội dung giống như linh vị đặt ở bàn thờ. Trước khi làm lễ an táng có mời thầy cúng làm bùa ấn phù phép để vong hồn nhập vào hình nhân.

Lễ an táng và các lễ các lễ khác cũng tiến hành như tang lễ thông thường.

hình nhân thể mạng là gì ?

ở nước ta chưa có "Tục tuần táng" nhưng đời trước có tục đốt hình nhân thể mạng, vốn xuất xứ từ tục tuần táng, nhân đạo hơn so với tuần táng.

Đề vua chúa xuống dưới âm cung có người hầu hạ, tục ta không chôn người sống mà dùng hình nộm làm bằng tre nứa, quần bằng rơm rạ hoặc nhào nặn bằng đất sét, ngoài dán giấy làm quần áo rồi vẽ mặt mũi, sau đó khi tế lễ xong thì đốt hình nhân đó cùng với vàng mã. Nếu lễ thủy thần, long vương, hà bá thì làm thuyền bằng giấy kết trên thân cây chuối rồi đặt hình nhân vào thuyền và thả trôi sông. Có người nghe theo lời bói toán nhầm nhí sắp đến vận hạn bị hung thần quỷ dữ bắt, phải nhờ thầy cúng làm lễ, đốt hình nhân thể mạng. Có người vì mối thù nhưng yếu thế không trả thù được bèn nghĩ cách làm hình nhân rồi đề tên họ, húy, hiệu của kẻ thù vào trước ngực hình nhân, cắm ở ngã ba, ngã tư đường cái, thấp hương cắm lên đầu hình nhân để nhờ thần linh bắt tội người đó.

Đây là một tập tục chứa đầy tính chất mê tín, dị đoan đã bị đả phá, bãi bỏ từ đầu thế kỷ. Chính quyền phong kiến đã ra lệnh cấm hủ tục này. Kẻ nào cố tình vi phạm, nếu phát hiện được sẽ bị phạt nặng. Địa phương nào để những tục đó xảy ra, nếu phát hiện được thì lý trưởng nơi đó bị cách chức. Thế mà ngày nay, chúng tôi thấy hủ tục này lại có cơ phát triển, cho nên việc bài trừ hủ tục nhầm nhí này là cần thiết, phù hợp với việc xây dựng nền văn hoá mới.

tại sao phải cải táng ?- những trường hợp nào không nên cải táng ?

Chúng tôi xin trích "Việt Nam Phong tục" của Phan Kế Bính trang 39

"...Người mất, sau ba năm đoạn tang rồi hoặc một vài năm nữa thì con cái lo việc cải táng

Trước hôm cải táng làm lễ cáo từ đường. Đến hôm cải táng, lại làm lễ khấn thổ công chỗ để mã mới táng. rước hết khai mã, nhặt lấy xương xếp vào một cái tiểu sành, rắc nước vang vào rồi che đậy thật kín, không cho ánh sáng mặt trời lọt vào được. Nhà phú quý thì dùng quan quách liệm như khi hung táng.

Đoạn, đem cải táng sang đất khác. Còn quan tài cũ nát thì bỏ đi, tốt thì đem về dùng hoặc làm cầu, hoặc làm chuồng trâu chuồng ngựa, để trâu ngựa đứng cho khỏi sâu chân.

Tục lại tin rằng: Hễ ai đau tức thì lấy mảnh ván thộ (mảnh ván quan tài nát) đốt lên , để gằm giường mà nằm thì khỏi đau tức.

Cải táng có nhiều có.

Một là vì nhà nghèo, khi cha mẹ mất, không tiền lo liệu , mua tạm một cỗ ván xấu, đợi xong ba năm thì cải táng, kéo sợ ván hư nát thì hại đến di hài.

Hai là vì chỗ đất mới kiến, nước lụt thì cải táng.

Ba là vì, các nhà địa lý, thấy chỗ mà vô cơ mà sụt đất hoặc cây cối ở trên mà tự nhiên khô héo, hoặc trong nhà có kẻ dâm loạn điên cuồng, hoặc trong nhà đau ốm lung củng, hoặc trong nhà có kẻ nghịch ngợm, sinh ra kiện tụng lời thối, thì cho là tại đất mà cải táng.

Bốn là, những người muốn cầu công danh phú quý, nhờ thầy địa lý tìm chỗ cát địa mà cải táng. Lại có người thầy nhà khác phát đạt, đem mả nhà mình táng gần vào chỗ mả nhà kia, để cầu được hưởng dư huệ.

Trong khi cải táng, tục lại có ba điều là tường thuy (tức là mả phát tốt đẹp) mà không cải táng.

Một là, khi đào đất thấy có con rắn vàng thì cho là long xà khí vật. Hai là, khi mở quan tài ra thấy có dây tơ hồng quấn quýt thì cho là đất kết. Ba là, hơi đất chỗ đó ẩm áp, trong huyết khô ráo không có nước hay là nước đóng giọt lại như sữa đều là tốt. Khi nào gặp như thế thì phải lập tức lấp lại ngay.

thiên táng là gì ?

Ngày xưa có người đi làm ăn ở xa nhà, dọc đường chẳng may bị cảm nắng. Cảm gió mà chết đột ngột, có người cùng đi hoặc người qua đường nhận ra, chỉ kịp đánh dấu chỗ người chết nằm xuống, chưa kịp chôn cất, đến nhà báo cho tang quyến. Khi người nhà đến nơi thì mới đã vùi lấp hết tử thi. Thân nhân cho rằng đó là huyết đất tốt, trời đã dành cho và chôn giùm nên gọi là "thiên táng", tương lai gia đình sẽ phát đạt, vậy cứ để nguyên mà vun cao lên. Không cải táng. Những ngôi mộ thiên táng như vậy, thường ở ven đường cái. Ngày nay dọc đường quốc lộ, lác đác còn nhìn thấy có những ngôi mộ cổ đắp đất, gọi là thảo mộ. Trải qua hàng trăm năm mưa gió dập vùi, nhưng vẫn được tôn cao, trong số đó phần lớn là những ngôi mộ vô thừa nhận vì chết dọc đường, người nhà không tìm thấy. Mộ vẫn được đắp cao, không ngớt hương khói, do những cư dân chung quanh và khách buôn bán đi qua về lại chăm sóc thờ cúng vì tin rằng những âm hồn đó rất thiêng, phù hộ độ trì cho khoẻ mạnh, làm ăn nên nổi.

tại sao kiêng không đắp mộ trong vòng tang ?

Theo phong tục, sau ba ngày an táng là làm lễ mở cửa mả. Trong buổi đó, sửa sang mộ cao ráo, đắp cỏ xung quanh làm rãnh thoát nước, chặt bỏ cây bụi chung quanh để phòng rễ mọc lan, xuyên vào mộ, chọc thủng áo quan. Kể từ ngày đó, con cháu đến viếng thăm, thắp hương chỉ lấy đất chung quanh đắp bổ sung vào những chỗ đất bị sụt lở, không được trèo lên mộ, không được động thổ, cuốc vào.

Xét ra tục kiêng ấy rất có lý: Trong ba năm đó áo quan và thi thể đang trong thời kỳ tan rữa, đã xảy ra những trường hợp do không biết để phòng mà mồ mả bị sập. Sập mả, động mả mặc dù là hiện tượng tự nhiên cũng gây cho tang gia nhiều điều lo lắng.

tại sao khi cải táng phải cất mộ ban đêm hoặc sáng sớm khi tạt trời chưa mọc, hoặc nếu làm ban ngày thì phải có lán che ?

Có lý luận cho rằng, âm dương cách biệt nên phải kiêng không để mặt trời trực tiếp dội vào. Nhưng theo chúng tôi, xuất phát từ kinh nghiệm thực tế, có nhiều trường hợp, gặp đất dưỡng thi, hoặc ba điều tường thuy (tức mộ kết phát) không nên cải táng, phải lấp lại ngay. Trong trường hợp thi thể sau nhiều năm vẫn còn nguyên vẹn, nếu để ánh nắng mặt trời trực tiếp dội vào thì rữa ra ngay và teo lại. Vì vậy, để phòng xa nên kiêng ánh mặt trời, lâu ngày trở thành phong tục chung?

Thấy gì qua 60 ngôi mộ có xác ướp ở Việt Nam?

Theo thống kê của các nhà khảo cổ học, cho đến nay trên địa bàn của 15 tỉnh và thành phố ở nước ta đã có gần 60 mộ có xác ướp được khai quật. Trong số gần 60 người mà các nhà khảo cổ "tìm gặp" đó có mặt hầu hết những nhân vật có vị trí cao quý nhất của xã hội đương thời: Từ vua cho đến các quan thượng thư, đại tư đồ, hoạn quan, bà chúa, cung tần mỹ nữ... ngôi mộ có niên đại sớm nhất được phát hiện ở Cẩm Bình- Hải Hưng vào thế kỷ thứ 15. Ngôi mộ có niên đại muộn nhất được chôn vào đầu thế kỷ này. nhưng nhiều nhất và được xử lý kỹ thuật tốt nhất chỉ có các mộ chôn trong 3 thế kỷ 16, 17, và 18. Đó cũng là thời kỳ bùng nổ của loại hình thức táng này. Cấu trúc của mộ xác ướp rất thống nhất về các nguyên tắc cơ bản: Ngoài cùng là gò mộ đắp đất, trong cùng gò có một quách hợp chất màu xám rắn chắc làm bằng vôi, cát mịn, giấy gói, dầu thông. Để cho quách thêm vững chắc người ta thường đồ nắp có hình vòm cung trùm ra ngoài thành quách. Bên trong quách hợp chất, thường có thêm lớp quách gỗ. Quách gỗ có thể cách quách hợp chất 5 cm. khoảng trống ấy có thể dùng làm vật liệu hút ẩm hoặc giữa hai lớp không có khoảng cách do khi đồ hợp chất, quách gỗ được coi như một mặt của nắp pha. Bên trong quách gỗ là quan tài được đóng liền thành một khối ngoài có sơn phủ kín. Quách trong đều được làm bằng gỗ thom (Ngọc am).

Trên mặt quách thường có một tấm minh tinh bằng dụ đồ thêu tên họ của người quá cố bằng kim tuyến. Cách sắp xếp trong lòng quan tài cũng tuân theo một quy tắc chặt chẽ. Đóng quan thường có một bớp chèn dày khoảng 4,5cm. Trên lớp chèn có một tấm ván mỏng có khoét rỉ ra chảy xuống lớp chèn dưới đáy quan. ở loại hình táng thức này, người quá cố thường mặc rất nhiều quần áo. Bà Phạm Thị Nguyên Chân mặc tới 35 áo, 18 váy. Thi thể còn được bọc lại bằng hai lớp vải liệm: tiểu liệm và đại liệm. Ngoài mỗi lớp vải liệm còn có dây lụa buộc chặt chẽ.

Để tăng độ hút ẩm và cho thi thể khỏi bị xô dịch, người ta còn dùng rất nhiều gói bông chèn dưới lòng quan. Có mộ đã dùng tới 49 chiếc gói bông.

Đồ từng táng trong loại hình táng thức này rất nghèo nàn, thường trong mộ chỉ thấy các trái gôm nhỏ đựng móng chân, móng tay, răng rụng, trầu không, thuốc lá, hộp phấn, quạt giấy, đôi khi còn có thêm cuốn sách Kinh.

Tuyệt đại bộ phận các mộ xác ướp thời Lê -Trịnh đã được khai quật, không tìm thấy bất kỳ một đồ từng táng nào quý giá như vàng, bạc, ngọc, ngà.

ở những mộ chưa bị phá hoại, kỹ thuật chôn cất rất cẩn thận thì xác và đồ từng táng vẫn còn được bảo quản nguyên vẹn. Thi thể tuy có bị mất nước teo đét lại, nhưng màu da không bị đen, các khớp chân tay còn mềm mại, phần lông không bị rụng hổng. Điều đáng chú ý là, khi khám nghiệm tử thi, các nhà nhân chủng học và y học không tìm thấy bất kỳ một dấu vết mỗ xẻ nào trên thân thể. Như vậy là, ruột và óc người chết đã không bị mỗ lấy ra như kỹ thuật ướp xác của người Ai Cập thời cổ. Nguyên nhân nào đã làm cho xác và đồ từng táng không bị tiêu hủy? Sau nhiều năm nghiên cứu, các nhà khảo cổ, nhân chủng học và y học hiện đại đã đi đến kết luận là, có hai nguyên nhân cơ bản: Một là, mộ được chôn cất trong môi trường kín tuyệt đối. Không có hiện tượng trao đổi bên trong và bên ngoài. Quan, quách (hai lớp) đã đóng vai trò chủ đạo trong yêu cầu kỹ thuật này. Ngoài ra, còn cần phải hạn chế tới mức tối đa không gian trống trong lòng mộ.

Hai là, dầu thom cũng là một yếu tố quyết định. Dầu thom đã làm sạch vi khuẩn, dầu trộn với hợp chất, đồ vào lòng quan, quan tài thom... đã ngăn không cho vi khuẩn, kể cả các vi khuẩn yếm khí tiếp tục hoạt động hủy hoại xác.

Ngoài ra các phương pháp chống ẩm bằng chè, quần áo, tấm liệm, gói bông cũng đã góp thêm mặt yếu tố gìn giữ xác.

Những kết quả khoa học đào tìm được và các giám định khoa học vừa được trình bày cho thấy: Mộ xác ướp Việt Nam không có gì là bí ẩn cả. mộ xác ướp, một di sản văn hoá cần được bảo vệ

(hoàng Linh- Trích "Du lịch Việt Nam" số 43)

Về ngôi mộ xác ướp mới phát hiện ở Cát Hanh.

Tháng 8 năm 1984, một ngôi mộ xác ướp được phát hiện trên cánh đồng Mả Vôi thuộc xã Cát Hanh huyện Phù Cát, tỉnh Nghĩa Bình.

Ngôi mộ được táng theo lối trong quan ngoài quách. Quách được xây dựng bằng một hợp chất gồm vôi sống, cát và một số chất kết dính như nhiều ngôi mộ đã phát hiện thời Lê Trịnh và thời Nguyễn. Quan tài bằng gỗ, mặt ngoài trát một lớp ngấn thấm rất kín. Quan tài có chân và nắp là một nửa thân gỗ còn nguyên lớp vỏ bào không nhẵn.

Thi hài chôn trong mộ là một phụ nữ khoảng 60 tuổi, cao 154,5 cm, chân trái bị gãy và liền lại khi còn sống nên ngắn hơn chân phải 3,1cm. Thi thể hầu như còn nguyên vẹn và các khớp xương, nhất là xương sống và các khớp vai còn có thể cử động rất mềm dẻo.

Y trang phục của người chết gồm ba lớp áo mặc, khăn nhiều đội đầu, đội hài da, một chiếc áo dài màu đen kê dưới tay phải. Vải liệm gồm 7 súc đặt theo chiều dài và súc đặt theo chiều ngang. Đáy quan tài có một lớp trấu và lúa không sấy, chất gạo còn khá tốt. Giữa nắp quan tài và xác là một lớp là chuối khô. Giấy bản chèn cũng buộc bằng dây chuối khô. Đặc biệt, quan tài chứa một dung dịch ngâm giữ xác có màu nâu trong. Thành phần hoá học của dung dịch chưa xác định được, nhưng không có thủy ngân (Hg) arsenic (as) và tinh dầu thông.

Căn cứ vào gia phả của dòng họ và sự ghi nhận của thân nhân thì chủ ngôi mộ là bà Nguyễn Thị Trọng, vợ thứ ba của ông Lê Văn Thế.

Ngôi mộ ướp xác này là một tư liệu khoa học có giá trị về nhiều phương diện:

- Đây là ngôi mộ ướp xác đầu tiên tìm thấy từ một tỉnh xa nhất về phía nam.
- So với những ngôi mộ ướp xác được phát hiện ở các tỉnh phía Bắc, ngôi mộ này có những đặc điểm riêng cần nghiên cứu như: Nắp quan tài là một nửa thân cây để nguyên vỏ, thi hài ngâm trong dung dịch giữ xác...

- Những di vật trong ngôi mộ phản ánh nghi thức mai táng y trang phục các nghề thủ công, phong tục tập quán và lối sống xã hội đương thời.

- Chủ nhân của ngôi mộ thuộc gia đình Tây Sơn và có quan hệ mật thiết với Tây Sơn nên những di vật đó cũng là những chứng tích về đời sống văn hoá xã hội, kinh tế thời bấy giờ.

(Trích "Quang Trung Nguyễn Huệ- con người và sự nghiệp"- Phan Huy Lê.)

Ma trời hay ma chơi ?

Tiếng khu Tứ gọi là "ma trời", Bắc bộ gọi là "ma chơi". Chúng tôi chưa rõ biến âm hay xuất xứ của ngôn từ ám chỉ loại ma đó "chơi vui", "chơi đùa với trần thế" hay "chêu chọc cho xấu hổ". Nguyễn Du trong "Văn chiêu hồn thập loại chúng sinh" câu:

Lập lòe ngọn lửa ma chơi

tiếng oan văng vẳng tới trời càng thương.

Nguyễn Văn Thành trong "văn tế trận vong tướng sĩ" có câu:

Hồn chiến sĩ biết đâu miền mình mạc,

mịt mù gió lốc thổi dầu tha hương.

Mặt chinh nhân khôn vẽ nét gian nan,

Lập lòe lửa chơi soi chùng cô độ.

Chúng tôi đã nhìn thấy ma trời và nghe nhiều người kể chuyện ma trời đuổi. Đó là ngọn lửa lập lòe yếu nhạt, bập bùng lan toả theo chiều gió, chốc lại biến mất rồi từ chỗ cũ, chốc chốc lại lập lòe ngọn lửa xanh nhạt, loáng thoáng bay lên. Theo các cụ già giải thích thì đó là oan hồn của những người chết trận, của những nắm xương vô thừa nhận không người chôn cất, vất vưởng trên bãi chiến trường, trong bãi tha ma, hoặc trên cánh đồng không mông quạnh. Khoa học đã giải thích, chứng minh hiện tượng đó là do chất lân tinh (P) từ trong xương cốt người và xúc vật toả ra gặp ôxy trong khí trời bốc cháy thành ngọn lửa xanh nhạt, ban ngày cũng có nhưng không nhìn thấy.

Tuy được khoa học giải thích rõ không phải là ma, nhưng canh khuya thanh vắng, đi một mình giữa chốn hoang vu mà bị ma chơi đuổi thì cũng thần hồn nát thần tính, có người đâm hoảng loạn mà ốm, phải cúng bái mới lành, có lẽ khỏi bệnh là do tác động tâm lý. Sở dĩ có hiện tượng tưởng là ma trời đuổi là vì khi ta chạy đã tạo nên một luồng không khí cuốn hút ngọn lửa ấy vờn theo.